TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 23-3-2023
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thơm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Hương.

Bà Phan Thị Thảo Sương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Tuấn Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 23 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 136/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2022 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên toà số 12/2023/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phan Thị Mỹ P, sinh năm 1989 (Có mặt);
Hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.
Tạm trú: Ấp T1, xã T1, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Anh Võ Thành Đ, sinh năm 1991 (Vắng mặt);
Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn ly hôn và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phan Thị Mỹ P trình bày:

- Về hôn nhân: Chị P và anh Đ tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới vào năm 2019 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc và có với nhau 01 con chung. Tuy nhiên, đến năm 2022 giữa chị P và anh Đ phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Đ thường ghen tuông vô cớ và thường ăn nhậu, không chăm lo cuộc sống gia đình dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Chị P đã cho anh Đ nhiều cơ hội để sửa đổi nhưng đều không có kết quả và anh chị đã sống ly thân

từ tháng 7 năm 2022 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn, chị P yêu cầu được ly hôn với anh Đ.

- Về con chung: Chị P và anh Đ có 01 con chung là cháu Võ Thiên P1, sinh ngày 11/01/2021. Hiện tại cháu P1 đang sống chung với chị P. Khi ly hôn, chị P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con và yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng mỗi tháng là 1.000.000 đồng, bắt đầu cấp dưỡng khi án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu đủ 18 tuổi, lao động được.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra, chị P không còn yêu cầu gì khác.

Theo bản tự khai và quá trình tố tụng, bị đơn anh Võ Thành Đ trình bày:

Anh Đ thống nhất tình trạng hôn nhân, con chung giữa anh và chị P đúng như chị P trình bày. Tuy nhiên, anh Đ còn thương vợ, thương con nên không đồng ý ly hôn và mong muốn được hàn gắn tình cảm với chị P. Trường hợp phải ly hôn theo quyết định của Tòa án, anh Đ đồng ý giao cháu P1 cho chị P nuôi dưỡng, anh sẽ cấp dưỡng nuôi con theo mức cấp dưỡng và thời gian cấp dưỡng như chị P yêu cầu. Về tài sản chung và nợ chung, anh không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra, anh Đ không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị P giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn anh Đ vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Phan Thị Mỹ P yêu cầu ly hôn với anh Võ Thành Đ và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung nên đây là "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Đ có nơi cư trú tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Xét bị đơn anh Võ Thành Đ mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ.

[3] Về hôn nhân: Chị P và anh Đ chung sống trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 95 ngày 31/12/2019 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Quá trình chung sống, giữa chị P và anh Đ xảy ra mâu thuẫn kéo dài không tự hàn gắn được. Trước khi thụ lý vụ án, Hoà giải viên đã tiến hành hoà giải và

sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiếp tục hòa giải nhằm hàn gắn tình cảm giữa hai bên nhưng không thành.

Thấy rằng, anh Đ thừa nhận mâu thuẫn giữa anh và chị P xuất phát nguyên nhân do anh; giữa anh Đ và chị P không có sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, nên cần xác định tình trạng mâu thuẫn giữa chị P và anh Đ đã trầm trọng, hạnh phúc hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị P là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Anh Đ mong muốn đoàn tụ nhưng không được chị P đồng ý nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị P và anh Đ có 01 con chung là cháu Võ Thiên P1, sinh ngày 11/01/2021. Hiện tại cháu P1 đang sống chung với chị P. Khi ly hôn, chị P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và được anh Đ đồng ý. Hội đồng xét xử thấy rằng, để tạo điều kiện thuận lợi, đảm bảo cho sự phát triển bình thường của cháu P1 nên cần thiết giao cháu cho chị P được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng và anh Đ được quyền thăm nom con theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị P yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi cháu P1với mức cấp dưỡng mỗi tháng là 1.000.000 đồng, bắt đầu thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, lao động được. Toàn bộ yêu cầu của chị P về cấp dưỡng nuôi con đều được anh Đ đồng ý. Xét thấy yêu cầu của chị P và ý kiến của anh Đ phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 82, khoản 1 Điều 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị P, anh Đ không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Chị P là nguyên đơn nên phải chịu án phí không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn, anh Đ phải chịu án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, khoản 1 Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phan Thị Mỹ P, chị P được ly hôn với anh Võ Thành Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Võ Thiên P1, sinh ngày 11/01/2021 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Đ có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu P1 hàng tháng. Mức cấp dưỡng mỗi tháng là 1.000.000 đồng *(Một triệu đồng)*. Bắt đầu thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu P1 đủ 18 tuổi, lao động được.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm thực hiện thì phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền, mức lãi suất được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí: Chị P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008337 ngày 28/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú Đông, nên chị P đã nộp xong án phí.

Anh Đ phải nộp 300.000 đồng án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: Chị P được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Đ vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

5. Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phú Đông;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú Đông;
- UBND xã T;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thơm